

Bản án số: 188/2024/HS-PT
Ngày 26 tháng 11 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng

Các Thẩm phán: Ông Lâm Thuận Tùng và ông Trương Văn Hai

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Như Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Huỳnh Ngọc Thi - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 303/2024/TLPT-HS ngày 29 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo Trần Thị Thùy H do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 138/2024/HSST ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố L:

Bị cáo có kháng cáo: Trần Thị Thùy H, sinh ngày 15/3/1992 tại thành phố L, tỉnh An Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Số B, khóm P, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 9/12; giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn D và bà Trần Thị H1; chồng là Nguyễn Văn N và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo được tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

*(Trong vụ án bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo,
Viện kiểm sát không kháng nghị)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 21/12/2022, chị L mời H đến nhà dự sinh nhật. Trong lúc chơi cùng con chị L đang xem điện thoại, H đọc được tin nhắn thấy nội dung Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (Ngân hàng S1) chúc mừng sinh nhật chị L vào ngày 20/12/2022, nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền trong tài khoản chị L. H cầm điện thoại của chị L truy cập vào ứng dụng Internet Banking Ngân hàng S1 thử đăng nhập mật khẩu là ngày tháng năm sinh của chị L là 20121979, thì đăng nhập thành công, thấy số dư tài khoản của chị L có hơn 90.000.000 đồng nên H

thực hiện hành vi chuyển 10.000.000 đồng từ số tài khoản 070046096396 của chị L vào tài khoản Ngân hàng S1 số 060181830339 của H để chiếm đoạt.

Sau đó, khi cần tiền tiêu xài, H tiếp cận điện thoại của chị L và truy cập bất hợp pháp vào tài khoản Internet Banking Ngân hàng S1 để chuyển tiền vào tài khoản của H. Sợ bị phát hiện H chuyển vào tài khoản Ngân hàng Thương mại Cổ phần K số 19027707435018 của Nguyễn Thanh T, nhưng H không cho T biết ai chuyển tiền mà cho biết có người chị giúp đỡ, nhờ T nhận được tiền thì chuyển lại vào tài khoản của H. Tổng số tiền 17 lần gồm 09 lần qua tài khoản của H, 08 lần qua tài khoản của T trong khoảng thời gian từ ngày 21/12/2022 đến 21/4/2023 là 291.100.000 đồng, cụ thể:

- Ngày 21/12/2022, H sử dụng điện thoại của chị L, truy cập vào tài khoản của chị L, chuyển tiền từ tài khoản ngân hàng của chị L sang tài khoản ngân hàng của H, chiếm đoạt 10.000.000 đồng.

- Ngày 23/12/2022, H sử dụng điện thoại của chị L, truy cập vào tài khoản của chị L, chuyển tiền từ tài khoản ngân hàng của chị L sang tài khoản ngân hàng của H, chiếm đoạt 11.100.000 đồng.

- Ngày 27/12/2022, H sử dụng điện thoại của chị L, truy cập vào tài khoản của chị L, chuyển tiền từ tài khoản ngân hàng của chị L sang tài khoản ngân hàng của H, chiếm đoạt 15.000.000 đồng.

- Ngày 30/12/2022, H sử dụng điện thoại của chị L, truy cập vào tài khoản của chị L, chuyển tiền từ tài khoản ngân hàng của chị L sang tài khoản ngân hàng của H, chiếm đoạt 11.000.000 đồng.

- Ngày 01/01/2023, H sử dụng điện thoại của chị L, truy cập vào tài khoản của chị L, chuyển tiền từ tài khoản ngân hàng của chị L sang tài khoản ngân hàng của H, chiếm đoạt 15.000.000 đồng.

- Ngày 14/01/2023, H sử dụng điện thoại của chị L, truy cập vào tài khoản của chị L, chuyển từ tài khoản ngân hàng của chị L sang tài khoản ngân hàng của T, chiếm đoạt 8.000.000 đồng. Tấn chuyển lại vào tài khoản của H 7.800.000 đồng, H cho T 200.000 đồng.

- Ngày 19/01/2023, H sử dụng điện thoại của chị L, truy cập vào tài khoản của chị L, chuyển từ tài khoản của chị L sang tài khoản của T, chiếm đoạt 8.000.000 đồng. Tấn chuyển lại vào tài khoản của H 7.800.000 đồng, H cho T 200.000 đồng.

- Ngày 21/01/2023, H sử dụng điện thoại của chị L, truy cập vào tài khoản của chị L, chuyển từ tài khoản ngân hàng của chị L sang tài khoản ngân hàng của T, chiếm đoạt 13.000.000 đồng. Tấn chuyển lại vào tài khoản của H 12.700.000 đồng, H cho T 300.000 đồng.

- Ngày 22/01/2023, H sử dụng điện thoại của chị L, truy cập vào tài khoản của chị L, chuyển từ tài khoản ngân hàng của chị L sang tài khoản ngân hàng của H, chiếm đoạt 8.000.000 đồng.

- Ngày 24/01/2023, H sử dụng điện thoại của chị L, truy cập vào tài khoản của chị L, chuyển từ tài khoản ngân hàng của chị L sang tài khoản ngân hàng của T, chiếm đoạt 8.000.000 đồng. Tấn chuyển lại vào tài khoản ngân hàng của H 8.000.000 đồng.

- Ngày 22/02/2023, H sử dụng điện thoại của chị L, truy cập vào tài khoản của chị L, chuyển từ tài khoản ngân hàng của chị L sang tài khoản ngân hàng của T, chiếm đoạt 20.000.000 đồng. Tấn chuyển lại vào tài khoản của H 19.900.000 đồng, H cho T 100.000 đồng.

- Ngày 10/3/2023, H sử dụng điện thoại của chị L, truy cập vào tài khoản của chị L, chuyển từ tài khoản ngân hàng của chị L sang tài khoản ngân hàng của T, chiếm đoạt 9.000.000 đồng. Tấn chuyển lại vào tài khoản của H 8.500.000 đồng, H cho T 500.000 đồng.

- Ngày 17/3/2023, H sử dụng điện thoại của chị L, truy cập vào tài khoản của chị L, chuyển từ tài khoản ngân hàng của chị L sang tài khoản ngân hàng của H, chiếm đoạt 25.000.000 đồng.

- Ngày 25/3/2023, H sử dụng điện thoại của chị L, truy cập vào tài khoản của chị L, chuyển từ tài khoản ngân hàng của chị L sang tài khoản ngân hàng của T, chiếm đoạt 25.000.000 đồng. Tấn chuyển lại vào tài khoản của H 24.500.000 đồng, H cho T 500.000 đồng.

- Ngày 06/4/2023, H sử dụng điện thoại của chị L, truy cập vào tài khoản của chị L, chuyển từ tài khoản ngân hàng của chị L sang tài khoản ngân hàng của H, chiếm đoạt 30.000.000 đồng.

- Ngày 14/4/2023, H sử dụng điện thoại của chị L, truy cập vào tài khoản của chị L, chuyển từ tài khoản ngân hàng của chị L sang tài khoản ngân hàng của H, chiếm đoạt 35.000.000 đồng.

- Ngày 21/4/2023, H sử dụng điện thoại của chị L, truy cập vào tài khoản của chị L, chuyển từ tài khoản ngân hàng của chị L sang tài khoản ngân hàng của T, chiếm đoạt 40.000.000 đồng. T rút tiền mặt đưa cho H 39.500.000 đồng, H cho T 500.000 đồng.

Khoảng 20 giờ 30 phút, ngày 21/4/2023, chị L xem điện thoại thì ứng dụng Internet Banking Ngân hàng S1 thông báo tài khoản 070046096396 của chị L bị trừ 40.000.000 đồng, nhưng không rõ lý do bị trừ số tiền này. Đến ngày 24/4/2023, chị L đến Ngân hàng S1 Chi nhánh A, thì biết bị mất tổng cộng 291.100.000 đồng, tên tài khoản thụ hưởng là Trần Thị Thùy H và Nguyễn Thanh T, nên chị L đến Công an phường M trình báo sự việc. Tại công an phường M, ban đầu H không thừa nhận hành vi đăng nhập vào tài khoản của chị L để chuyển tiền mà khai Lê Hữu P là người làm công của chị L xin số tài khoản của H để chuyển, P không thừa nhận lời khai của H. Quá trình điều tra H thừa nhận toàn bộ hành vi đăng nhập bất hợp pháp vào tài khoản của chị L để chuyển tiền vào tài khoản của H và T, không liên quan đến P, lời khai ban đầu nhằm trốn tránh trách nhiệm.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 138/2024/HSST ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố L đã tuyên bố bị cáo Trần Thị Thùy H phạm tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 290; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Trần Thị Thùy H 07 (bảy) năm tù. Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về phần trách nhiệm dân sự, xử vật chứng và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30/9/2024 bị cáo Trần Thị Thùy H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Thị Thùy H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo là lao động chính trong gia đình, có chồng bị khuyết tật, con còn nhỏ bị bệnh tự kỷ, bị hại xin giảm nhẹ cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu và có quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử: Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo, bị cáo kháng cáo trong hạn luật định nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận việc kháng cáo để xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm. Về hành vi phạm tội của bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; xử phạt bị cáo với mức hình phạt phù hợp, tương xứng tính chất, hành vi phạm tội của từng bị cáo. Giai đoạn phúc thẩm, bị cáo Trần Thị Thùy H kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt với lý do bị cáo là lao động chính trong gia đình, có chồng bị khuyết tật, có con 30 tháng tuổi bị bệnh tự kỷ, bị hại xin miễn trách nhiệm hình sự. Xét toàn diện vụ án, sau khi phạm tội bị cáo đã bồi thường đủ số tiền cho bị hại; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; là phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thị Thùy H. Sửa bản án sơ thẩm, xử phạt bị cáo Trần Thị Thùy H, có thể giảm cho bị cáo từ 06 tháng đến 01 năm tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị cáo kháng cáo trong hạn luật định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận để xét xử phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Thị Thùy H thừa nhận thực hiện hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm. Xét lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng trong giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm đồng thời cũng phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có đầy đủ căn cứ xác định:

Từ ngày 21/12/2022 đến ngày 21/4/2023, bị cáo Trần Thị Thùy H đã 17 lần thực hiện hành vi truy cập bất hợp pháp vào tài khoản ngân hàng của bị hại Trần Thị Nhật L qua ứng dụng Internet Banking Ngân hàng S1 để chuyển tiền vào tài khoản của bị cáo và tài khoản của Nguyễn Thanh T, sau đó yêu cầu Tấn chuyển lại cho bị cáo. Tổng số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của chị Trần Thị Nhật L là 291.100.000 đồng. Do đó, cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Trần Thị Thùy H về tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 290 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo Trần Thị Thùy H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Xét tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật Nhà nước bảo vệ đồng thời gây mất an ninh, trật tự, an toàn tại địa phương, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Bản thân là phụ nữ, lẽ ra bị cáo phải cố gắng lao động để nuôi sống bản thân và gia đình, nuôi dạy con cái, trở thành một công dân tốt, có ích cho xã hội. Nhưng ngược lại, vì muốn có tiền tiêu xài, bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi truy cập bất hợp pháp vào tài khoản ngân hàng của chị L để chiếm đoạt tài sản. Tuy nhiên, xét toàn diện vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo là lao động chính trong gia đình, có chồng là người khuyết tật, có con 30 tháng tuổi bị bệnh tự kỷ; sau khi vụ án xảy ra, bị cáo đã bồi thường đủ số tiền đã chiếm đoạt cho bị hại, được bị hại xin miễn trách nhiệm hình sự; bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải; đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi. Do vậy, Hội đồng xét xử có cân nhắc, xem xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội thực sự ăn năn hối cải như đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên tòa cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe.

[4] Đối với Nguyễn Thanh T đã nhận tiền, chuyển giúp cho bị cáo H. Tuy nhiên, T không biết số tiền này do H phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh A không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với T là có căn cứ

[5] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Trần Thị Thùy H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Trần Thị Thùy H. Sửa án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo Trần Thị Thùy H.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 290; điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tuyên bố bị cáo Trần Thị Thùy H phạm tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Thùy H 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Trần Thị Thùy H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân thành phố L;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố L;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang;
- Phòng lưu trữ hồ sơ - Công an tỉnh;
- Trại tạm giam Công an tỉnh An Giang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu Tòa Hình sự; Văn phòng; hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Hồng